TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ
THƯƠNG HIỆU & CÔNG LUẬN

Trường hợp nào được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp?

15:33 17/12/2025

Chính phủ ban hành Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong đó, đáng chú ý là các quy định liên quan đến ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.



Chính phủ ban hành Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các trường hợp được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Cụ thể, khoản 2, Điều 18 của Nghị định quy định ngành, nghề ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm các trường hợp sau:

a) Ứng dụng công nghệ cao, đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định

của Luật Công nghệ cao; ứng dụng công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

b) Sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng; sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm, sản xuất thiết bị điện tử theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số; nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số.

c) Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao;

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành dệt - may, da - giày, điện tử - tin học (bao gồm cả thiết kế, sản xuất bán dẫn), sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo đến ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành (ngày 1/10/2025) mà trong nước chưa sản xuất được hoặc đã sản xuất được nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu hoặc tương đương (nếu có) theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

d) Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; bảo vệ môi trường; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất quốc phòng, an ninh và sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp theo quy định của pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; sản xuất sản phẩm công nghiệp hóa chất trọng điểm, sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quy định của pháp luật về hóa chất, pháp luật về cơ khí.

đ) Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

e) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao; doanh nghiệp khoa học và

công nghệ theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

g) Dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất đáp ứng các điều kiện sau đây: Có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng và thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 05 năm kể từ ngày được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

h) Dự án đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư.

Thời gian giải ngân tổng vốn đầu tư của các dự án quy định tại điểm này không quá 10 năm kể từ thời điểm cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

i) Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

k) Nuôi trồng lâm sản.

l) Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản.

Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản quy định tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b1 và điểm b2 khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

m) Sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

n) Sản xuất, lắp ráp ô tô; sản xuất sản phẩm công nghiệp số khác.

o) Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

p) Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, ngân hàng hợp tác xã.

q) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.

r) Xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định; giám định tư pháp.

s) Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Luật Nhà ở.

t) Xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản.

u) Báo chí (bao gồm cả quảng cáo trên báo) theo quy định của Luật Báo chí.

Mức thuế suất ưu đãi

Điều 19 của Nghị định quy định các mức thuế suất ưu đãi cụ thể như sau:

1. Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 18; thu nhập của doanh nghiệp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 18 của Nghị định này;

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm g và điểm h khoản 2 Điều 18 của Nghị định này;

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc địa bàn quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 của Nghị định này;

- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; dự án đầu tư mới tại khu kinh tế nằm trên địa bàn ưu đãi thuế quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này, bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư mới tại khu kinh tế mà vị trí thực hiện dự án nằm trên 50% phần diện tích nằm trên địa bàn ưu đãi thuế quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này.

2. Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp tại địa bàn ưu đãi thuế quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này từ hoạt động thuộc ngành, nghề quy định tại điểm k và điểm l khoản 2 Điều 18 của Nghị định này;

- Thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động thuộc ngành, nghề quy định tại các điểm i, r và s khoản 2 Điều 18 của Nghị định này;

- Thu nhập của nhà xuất bản từ hoạt động thuộc ngành, nghề quy định tại điểm t khoản 2 Điều 18 của Nghị định này;

- Thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại điểm q khoản 2 Điều 18 của Nghị định này không thuộc địa bàn quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định này;

- Thu nhập của cơ quan báo chí thuộc ngành, nghề quy định tại điểm u khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.

3. Áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của doanh nghiệp thuộc địa bàn quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định này từ hoạt động thuộc ngành, nghề quy định tại điểm l khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.

Áp dụng thuế suất 17% trong thời gian 10 năm đối với:

- Dự án đầu tư mới thuộc ngành, nghề ưu đãi quy định tại các điểm m, n và o khoản 2 Điều 18 của Nghị định này;

- Dự án đầu tư mới thực hiện tại địa bàn quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này;

- Dự án đầu tư mới tại khu kinh tế không nằm trên địa bàn quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này, bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư mới của doanh nghiệp thực hiện tại khu kinh tế mà vị trí thực hiện dự án đầu tư mới có trên 50% phần diện tích nằm trên địa bàn không phải là địa bàn ưu đãi thuế quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này.

4. Áp dụng thuế suất 17% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của doanh nghiệp tại điểm p khoản 2, Điều 18 của Nghị định này.

Nghị định nêu rõ, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thêm thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi tối đa không quá 15 năm đối với các trường hợp sau:

- Dự án đầu tư mới quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 2, Điều 18 của Nghị định này, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, có ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội cần đặc biệt khuyến khích;

- Dự án đầu tư quy định tại điểm g khoản 2, Điều 18 của Nghị định này đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Sản xuất sản phẩm hàng hóa có khả năng cạnh tranh toàn cầu, doanh thu đạt trên 20.000 tỷ đồng/năm chậm nhất sau 5 năm kể từ khi có doanh thu từ dự án đầu tư;

+ Sử dụng thường xuyên trên 6.000 lao động được xác định theo quy định của pháp luật về lao động;

+ Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng kinh tế kỹ thuật, bao gồm: Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân bay, nhà ga, năng lượng mới, năng lượng sạch, công nghiệp tiết kiệm năng lượng, dự án lọc hóa dầu.

Đối với dự án đầu tư mới quy định tại điểm h khoản 2, Điều 18 của Nghị định này, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng thuế suất giảm không quá 50% mức thuế suất quy định tại khoản 1 Điều này; thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi không quá 1,5 lần so với thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này và được kéo dài thêm không quá 15 năm nhưng không vượt quá thời hạn của dự án đầu tư.

Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới của doanh nghiệp (bao gồm cả dự án nêu tại điểm g khoản 2, Điều 18 của Nghị định này) được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu.

Miễn thuế, giảm thuế

Điều 20 của Nghị định quy định các trường hợp được miễn thuế, giảm thuế, cụ thể như sau:

1. Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này;

- Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại điểm r khoản 2, Điều 18 của Nghị định này thuộc địa bàn quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này. Trường hợp thu nhập của doanh nghiệp quy định tại điểm r không thuộc địa bàn quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này được miễn thuế tối đa 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 5 năm tiếp theo.

2. Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 19 của Nghị định này.

Đối với các dự án đầu tư mới quy định tại các điểm h khoản 2, Điều 18 của Nghị định này, Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian miễn thuế, giảm thuế tối đa không quá 1,5 lần thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản 1 Điều này và không vượt quá thời hạn của dự án đầu tư.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 4.

Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sau thời điểm phát sinh thu nhập thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi.

Trường hợp tại năm cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà chưa có thu nhập thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm đầu tiên có thu nhập, nếu trong 3 năm đầu kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế thì thời gian miễn thuế, giảm thuế tính từ năm thứ 4 kể từ năm cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký (15/12/2025) và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

Theo chinhphu.vn